

**BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN THÁNG
(Từ ngày 01 đến 31/5/2026)**

1.1. Lưu vực sông Hồng

<p><i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i></p>
<p>- Tổng lượng mưa: Phổ biến 40-80mm, thấp hơn TBNN cùng thời kỳ từ 15-30%. Một số nơi cao hơn như Tuyên Quang 146mm.</p>
<p>- Tổng lượng dòng chảy:</p> <p>+ Sông Thao: Trong tháng 4, lưu lượng dòng chảy trên sông Thao ít biến đổi so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 79%.</p> <p>+ Sông Lô: Trong tháng 4, lưu lượng dòng chảy đến các sông trên lưu vực cao hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn TBNN khoảng 55%.</p> <p>+ Trên sông Đà: Trong tháng 4, tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình tăng so với tháng trước do chịu ảnh hưởng điều tiết thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN cùng kỳ 124%.</p> <p>+ Trên sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tháng 04 sẽ biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội thấp hơn TBNN cùng kỳ 17% .</p>
<p><i>b. Dự báo, cảnh báo</i></p>
<p>- Tổng lượng mưa: Phổ biến 80-160mm, có nơi cao hơn.</p>
<p>- Tổng lượng dòng chảy:</p> <p>+ Sông Thao: Trong tháng 5, lưu lượng dòng chảy trên sông Thao có xu thế tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 82%.</p> <p>+ Sông Lô: Trong tháng 5, lưu lượng dòng chảy trên sông Lô có xu thế tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn TBNN khoảng 58%.</p> <p>+ Trên sông Đà: Trong tháng 5, lưu lượng đến hồ Hòa Bình có xu thế ít biến đổi so với tháng trước và chịu ảnh hưởng điều tiết thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN 26%.</p> <p>+ Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội: Trong tháng 5, mực nước tại trạm Hà Nội có dao động theo xu thế tăng. Dự báo tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 7%.</p>

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 30-80mm, xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu: Trong tháng 4, lưu lượng dòng chảy trên sông Cầu có dao động nhỏ; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bẩy ở mức cao hơn 189% so với TBNN cùng kì. + Trên sông Lục Nam: Trong tháng 4, lưu lượng dòng chảy biến đổi chậm theo xu thế xuống dần; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ ở mức thấp hơn TBNN 53%
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: khu vực phổ biến 100-200mm
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng 5, dòng chảy trên sông Cầu và sông Lục Nam tiếp tục biến đổi chậm. So với TBNN cùng kỳ, tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại trạm Gia Bẩy dự báo cao hơn 68%, trên sông Lục Nam tại trạm Chũ dự báo ở mức thấp hơn TBNN 74%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 30-60mm, thấp hơn TBNN cùng thời kỳ từ 20-40%. Có nơi cao hơn như Hương Sơn 134mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tháng 4, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 10%, sông Cả tại trạm Yên Thượng cao hơn khoảng 17%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 86%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tháng 4, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (TP Huế) tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 371%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: khu vực phổ biến 40-100mm, có nơi cao hơn.
Tổng lượng dòng chảy: + Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tháng 5, lưu lượng dòng chảy

trên các sông ở Thanh Hóa tăng hơn so với tháng trước; các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 16%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn khoảng 29%, sông Ngân Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn khoảng 6%, sông Ngân Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 80%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tháng 5, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 206%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Khu vực phổ biến ít mưa, lượng mưa phổ biến <15mm trong cả thời kỳ

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tháng 4, dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 293%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn 70%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tháng 4, lưu lượng dòng chảy trên thượng nguồn các sông biến đổi chậm theo xu thế giảm và có xuất hiện dao động nhỏ. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa cao hơn 35%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 44%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 15%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy thấp hơn 7%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tà Pao thấp hơn 80% so với TBNN.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: 30-60mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tháng 5, dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn ở mức xấp xỉ TBNN, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn 42%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tháng 5, lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn ở mức thấp hơn 49%, sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức thấp hơn 2% so với TBNN cùng kỳ.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến ít mưa, riêng Kon Tum 166mm, Lắc và Buôn Ma Thuột 28mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tháng 4, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla và sông Krông Ana biến đổi theo xu thế giảm và đều ở mức thấp hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 67%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 19%. + Tổng lượng dòng chảy Sông Cửu Long: Trong tháng 4, tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 80-150mm, có nơi cao hơn. - Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 80-150mm, có nơi cao hơn.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tháng 5, lưu lượng dòng chảy đến các sông biến đổi theo xu thế tăng dần và ở mức cao hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 65%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn TBNN cùng kỳ 23%. + - Tổng lượng dòng chảy Sông Cửu Long: Trong tháng 5, dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm và có xu thế tăng vào từ cuối tháng 5. Lượng dòng chảy trên sông Tiền tại trạm Tân Châu khả năng cao hơn TBNN 10%, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc ở mức TBNN.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/06/2026.

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 01 đến ngày 31/5/2026

Khu vực	Trạm	Thực đo 1 tháng qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 1 tháng tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	106	<41	130-250	<20-30%
	Sơn La	72	<32	80-150	<20-30%
	Hòa Bình	79	<11	100-200	<20-30%
	Lào Cai	73	<40	80-150	<20-30%
	Yên Bái	48	<56	100-200	xấp xỉ
	Tuyên Quang	146	>31	100-200	xấp xỉ
	Hà Giang	20	<80	130-230	xấp xỉ
	Láng	61	<18	80-160	<20-30%
	Thái Bình	142	>113	70-140	<20-30%
	Nam Định	62	<12	80-150	<20-30%
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	72	<15	100-200	xấp xỉ
	Thái Nguyên	80	<11	100-200	xấp xỉ
	Bắc Ninh	54	<33	100-200	xấp xỉ
	Lạng Sơn	76	>3	100-200	xấp xỉ
	Bắc Giang	29	<61	100-200	xấp xỉ
	Hải Dương	20	<72	100-200	xấp xỉ
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hội Xuân	100	>9	100-200	<30-50%
	Bái Thượng	47	<46	100-200	<30-50%
	Thanh Hóa	79	>22	50-100	<30-50%
	Quỳ Châu	46	<45	50-100	<30-50%
	Cửa Rào	38	<47	50-100	<30-50%
	Đô Lương	96	>37	50-100	<30-50%
	Vinh	63	>10	50-100	<30-50%
	Hương Sơn	134	>70	50-100	<30-50%
	Hương Khê	63	<30	50-100	<30-50%
	Hà Tĩnh	44	<51	50-100	<30-50%
	Đông Hới	45	<28	40-80	<30-50%
	Quảng Trị	45	<30	40-80	<30-50%
	Nam Đông	14	<87	40-80	<30-50%
	Huế	37	<51	40-80	<30-50%
Lưu vực sông	Đà Nẵng	0	<100	30-60	<30-50%

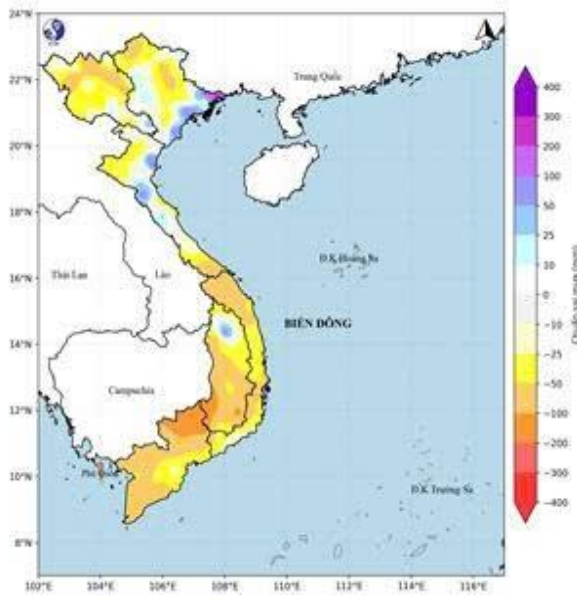
Khu vực	Trạm	Thực đo 1 tháng qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 1 tháng tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Trà My	4	<97	30-60	<30-50%
	Ba Tơ	3	<96	30-60	<30-50%
	Quảng Ngãi	0	<100	30-60	<30-50%
	Quy Nhơn	0	<99	30-60	<30-50%
	An Khê	16	<71	40-80	<30-50%
	Tuy Hòa	0	<100	40-80	<30-50%
	Nha Trang	0	<100	30-60	<30-50%
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	166	>55	80-150	<30-50%
	Lắk	28	<61	80-150	<30-50%
	Buôn Mê Thuột	28	<68	80-150	<30-50%
	Biên Hòa	0	<100	80-150	<30-50%
	Cần Thơ	1	<98	80-150	<30-50%

Bảng số liệu nguồn nước thực đo và dự báo trên các sông chính*Đơn vị: 10⁶ m³*

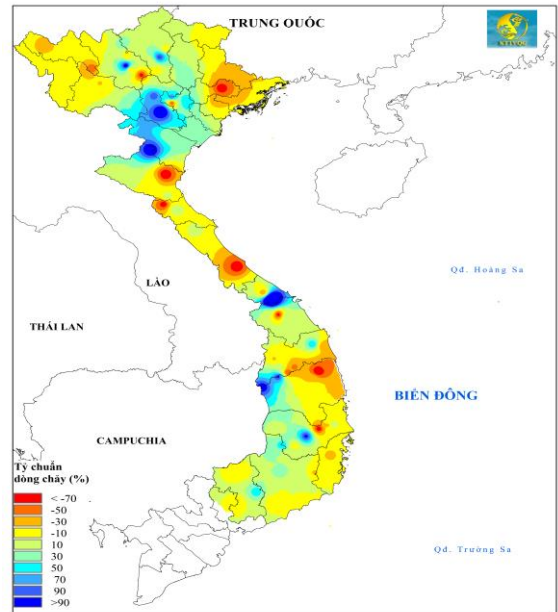
Sông	Trạm	Yếu tố đo	Thực đo	So sánh TBNN	Dự báo	So sánh TBNN
Thao	Yên Bái	W	132	<79	174	<82
Lô	Tuyên Quang	W	370	<55	712	<58
Đà	Hồ Hòa Bình	W	2894	>124	2946	>26
Hồng	Hà Nội	W	3777	<17	4553	<7
Cầu	Gia Bảy	W	220	>189	265	>68
Lục Nam	Chũ	W	10	<53	16	<74
Mã	Cắm Thủy	W	381	> 10	450	< 16
Cả	Yên Thượng	W	516	> 17	530	< 29
La	Hòa Duyệt	W	114	~ TBNN	165	> 6
Tả Trạch	Thượng Nhật	W	57	> 371	64	> 206
Thu Bồn	Nông Sơn	W	293	> 27	319	~ TBNN
Trà Khúc	Sơn Giang	W	259	> 70	300	> 42
Ba	Cùng Sơn	W	58	<44	107	<49
Cái N,T	Đồng Trăng	W	65	>15	83	<2
ĐăkBlá	KonTum	W	27	< 67	40	< 65
Srêpôk	Giang Sơn	W	43	< 19	67	< 23
Tiền	Tân Châu	W			11587	> 10
Hậu	Châu Đốc	W			1717	~ TBNN

Phụ lục 2: Bản đồ phân bố nguồn nước

Hình 2.1: Bản đồ hiện trạng nguồn nước từ ngày 01 đến ngày 30/04/2026



Bản đồ chênh lệch tổng lượng mưa (mm) so với TBNN



Bản đồ chênh lệch tổng lượng dòng chảy so với TBNN